

CƠ QUAN THÔNG TIN-THƯ VIỆN NGÀNH Ở VIỆT NAM

ThS Phạm Văn Hùng

Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia

Giới thiệu khái quát các cơ quan thông tin-thư viện (TT-TV) ngành ở Việt Nam về phương diện khuôn khổ pháp lý và thực trạng. Nêu rõ các hạn chế về hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, kinh phí và nhân lực; năng lực thông tin; quản lý, chỉ đạo; và quan hệ hợp tác trong hoạt động của các cơ quan TT-TV ngành. Đưa ra một số kiến nghị nhằm khắc phục các hạn chế này.

Cơ quan TT-TV chuyên ngành và đa ngành (gọi chung là cơ quan TT-TV ngành) giữ một vai trò quan trọng trong nghiên cứu, đào tạo nói riêng và trong sự phát triển kinh tế-xã hội của đất nước nói chung. Vấn đề đầu tư phát triển các cơ quan TT-TV ngành đã sớm được quan tâm và tiến hành thường xuyên ở nhiều mức độ và hình thức khác nhau. Tuy nhiên, cho đến nay vẫn chưa có công trình nào nghiên cứu đầy đủ, toàn diện về các cơ quan TT-TV này. Bài viết này tập trung vào một số nội dung liên quan đến tiềm lực và xu hướng phát triển của các cơ quan TT-TV ngành.

Điều 7, Nghị định số 72/2002/NĐ-CP [2] về việc thi hành Pháp lệnh Thư viện, định nghĩa: “*Thư viện đa ngành là thư viện có vốn tài liệu thuộc nhiều ngành, lĩnh vực khoa học khác nhau*”, và “*Thư viện chuyên ngành là thư viện có vốn tài liệu chuyên sâu về một ngành, lĩnh vực khoa học cụ thể và phục vụ đối tượng bạn đọc là cán bộ, công chức, viên chức chuyên môn thuộc cơ quan, tổ chức chủ quản*”.

Các đối tượng thuộc hệ thống thư viện ngành được quy định tại Điều 16, Pháp lệnh Thư viện gồm: *Thư viện của viện, trung tâm nghiên cứu khoa học; thư viện của nhà trường và cơ sở giáo dục; thư viện của cơ quan nhà nước; thư viện của đơn vị vũ trang nhân dân; thư viện của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội-nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp*.

Bên cạnh sự tồn tại của các thư viện ngành, các cơ quan thông tin hoặc cơ quan TT-TV được hình thành nên từ hai loại hình cơ quan (cơ quan, tổ chức dịch vụ thông tin hoặc thư viện được sáp nhập hay đổi tên thành cơ quan TT-TV). Trong đó, các tổ chức dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ (KH&CN) đóng một vai trò hết sức quan trọng trong việc phổ biến tri thức KH&CN. Theo Điều 2, Nghị định số 159/2004/NĐ-CP [3] về hoạt động thông tin KH&CN, tổ chức dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ “là đơn vị sự nghiệp thực hiện chức năng cung cấp dịch vụ thông tin khoa học và

công nghệ do cơ quan nhà nước hoặc tổ chức, cá nhân thành lập theo quy định của pháp luật”. Trong đó, Điều 7 của Nghị định này cũng nêu rõ: các tổ chức dịch vụ thông tin KH&CN công lập, bao gồm:

- Trung tâm Thông tin KH&CN Quốc gia (nay là Cục Thông tin KH&CN Quốc gia);

- Tổ chức dịch vụ thông tin KH&CN của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan nhà nước khác ở Trung ương;

- Tổ chức dịch vụ thông tin KH&CN của cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Các tổ chức dịch vụ thông tin KH&CN khác của Nhà nước;

- Các tổ chức dịch vụ thông tin KH&CN của các cơ quan Đảng, cơ quan Trung ương của các đoàn thể;

- Các tổ chức dịch vụ thông tin KH&CN do các hội, tổ chức phi chính phủ, doanh nghiệp, cá nhân có đăng ký kinh doanh và các tổ chức khác thành lập.

Như vậy có thể thấy, cơ quan TT-TV ngành phổ biến ở mọi ngành, mọi lĩnh vực đời sống xã hội. Hiện nay, để đáp ứng yêu cầu phát triển chung và để phù hợp với đặc thù của từng đơn vị, hầu hết các thư viện ngành đã đổi tên hoặc sáp nhập với các trung tâm thông tin và có nhiều tên gọi khác nhau. Tuy nhiên, về bản chất, chúng đều thực hiện

chức năng thông tin và thư viện. Bởi vậy dưới đây chúng được gọi chung là cơ quan thông tin-thư viện ngành.

Không phủ nhận vai trò to lớn của hệ thống thư viện công cộng, nhưng có thể khẳng định rằng, tri thức được phổ biến và chuyển hoá thành tri thức mới chủ yếu tại cơ quan TT-TV ngành. Điều này được thể hiện ở các điểm sau:

Thứ nhất, điều này được thể hiện ở điểm sau: cơ quan TT-TV ngành có trong mọi cơ quan tổ chức thuộc mọi lĩnh vực của đời sống xã hội (các Bộ, ngành, địa phương, trường học, đơn vị an ninh quốc phòng,...).

Thứ hai, cơ quan TT-TV ngành được thành lập dựa trên nhu cầu của từng cơ quan, đơn vị cụ thể, tồn tại và phát triển cùng với sự phát triển của cơ quan, tổ chức mà nó trực thuộc.

Thứ ba, nguồn thông tin và tài liệu của cơ quan TT-TV ngành thuộc loại chuyên sâu theo chuyên ngành cụ thể nên có thể phù hợp với đối tượng phục vụ.

Thông qua mạng lưới rộng khắp trong cả nước, các cơ quan TT-TV ngành ngày càng khẳng định vị trí và vai trò của mình trong xã hội. Việc đầu tư, phát triển và thúc đẩy hoạt động của chúng là cần thiết và cũng là trách nhiệm của mỗi cơ quan, tổ chức và toàn xã hội. Sự phát triển của chúng tuy vậy còn rất nhiều vấn đề và thiếu đồng bộ. Dưới đây là các nguyên nhân và giải pháp nhằm khắc phục tình trạng nói trên.

1. Khuôn khổ pháp lý cho hoạt động của cơ quan TT-TV ngành

Hiện nay, hoạt động TT-TV nói chung đang tuân theo các văn bản pháp quy chủ yếu như: Pháp lệnh Thư viện số 31/2000/PL-UBTVQH10 ngày 28/12/2000 của Quốc hội, Nghị định số 72/2002/NĐ-CP ngày 6/8/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Thư viện, Nghị định số 159/2004/NĐ-CP của Chính phủ quy định về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ (KH&CN), các tổ chức dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ công lập, Nghị định số 02/2009/NĐ-CP ngày 6/1/2009 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng,... Những văn bản trên đã tạo nên khuôn khổ pháp lý cho hoạt động TT-TV, tuy nhiên, chúng mới được triển khai ở mức độ nhất định, đặc biệt là với cơ quan TT-TV ngành. Sở dĩ như vậy vì bên cạnh Luật Thư viện và Nghị định 72/2002/NĐ-CP, cơ quan TT-TV ngành còn phải tuân theo quy định của các văn bản khác liên quan đến cơ cấu tổ chức của từng cơ quan, đơn vị. Ngoài ra, để triển khai các văn bản pháp quy nêu trên, còn thiếu sự phân cấp cụ thể và những văn bản hướng dẫn cần thiết, cơ quan TT-TV ngành vì thế chủ yếu bị chi phối bởi các văn bản pháp quy theo cơ cấu ngành dọc của cơ quan, đơn vị chủ quản.

2. Khái quát thực trạng của một số loại hình cơ quan TT-TV ngành

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê [5] và Bộ KH&CN [4], tính đến năm 2010 cả nước có 686 cơ quan nghiên cứu và phát triển công lập, 414 trường đại học và cao đẳng và 63 sở KH&CN trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Ngoài ra, cần kể đến hàng nghìn cơ quan an ninh, quốc phòng và 28.593 trường phổ thông các cấp. Trong đó, hầu hết các cơ quan, đơn vị trên đều có thư viện hoặc cơ quan TT-TV riêng. Như vậy, chỉ tính riêng các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu, cơ quan Bộ, ngành và sở KH&CN thì hiện cả nước có trên 1.000 cơ quan TT-TV ngành. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi tập trung khảo sát một số loại hình cơ quan TT-TV thuộc các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu, các Bộ, ngành và sở KH&CN các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2.1. Cơ quan TT-TV trường đại học, cao đẳng

Loại cơ quan này có vị trí hết sức quan trọng trong nghiên cứu và đào tạo, nhiệm vụ của nó là: thu thập nguồn thông tin liên quan đến hướng nghiên cứu và đào tạo của trường; xử lý, sắp xếp và bảo quản nguồn tư liệu để nhanh chóng đáp ứng nhu cầu của người dùng tin. Những năm gần đây, các trường đều tập trung đầu tư phát triển cơ quan TT-TV của mình theo hướng hiện đại hoá. Đặc biệt, một số

trường đại học đã thành lập Trung tâm học liệu như các Đại học tại Huế, Đà Nẵng, Cần Thơ và Thái Nguyên. Theo số liệu điều tra của Cục Thông tin KH&CN Quốc gia năm 2011 [8], bình quân mỗi cơ quan TT-TV trường đại học, cao đẳng được đầu tư khoảng 500 triệu đồng/năm, số cán bộ biên chế 15 - 20 người/đơn vị, trong đó, trên 50% đã qua đào tạo chuyên ngành TT-TV và 3 - 4 cán bộ có trình độ sau đại học. Mỗi cơ quan TT-TV trường được trang bị khoảng 100 máy tính; trên 50% số cơ quan TT-TV có trụ sở hoạt động riêng và 100% - có phòng đọc dành cho sinh viên và cán bộ. Mỗi cơ quan hiện đang sở hữu khoảng 40 - 45 nghìn bản sách, 800 đầu tên tạp chí (bao gồm cả tạp chí on-line), 1.100 báo cáo kết quả nghiên cứu. Đặc biệt, trong giai đoạn phát triển các nguồn tin số hoá hiện nay, đa số cơ quan TT-TV trường đã và đang tập trung vào việc phát triển các nguồn tin số hoá với số lượng 4 cơ sở dữ liệu (CSDL), trong đó, một số trường đại học lớn như Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Bách khoa Hà Nội,... đã đầu tư kinh phí lớn để mua các CSDL nước ngoài. Bên cạnh đó, một số trường cũng đã và đang triển khai việc số hoá và sử dụng phần mềm quản lý thư viện số với quy mô và mức độ ngày càng tăng.

2.2. Cơ quan TT-TV trực thuộc các cơ quan nghiên cứu, phát triển

Cơ quan TT-TV trực thuộc các cơ

quan nghiên cứu, phát triển như các viện nghiên cứu, phòng thí nghiệm,... (gọi chung là cơ quan TT-TV viện nghiên cứu) là nơi tập trung nguồn thông tin chuyên sâu phục vụ công tác nghiên cứu, thí nghiệm thuộc nhiều ngành, lĩnh vực khác nhau, và đóng vai trò quan trọng không thể thiếu đối với công tác nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Quy mô của cơ quan TT-TV viện nghiên cứu rất khác nhau, tùy thuộc quy mô và đặc điểm của từng đơn vị chủ quản. Theo số liệu điều tra của Cục Thông tin KH&CN Quốc gia năm 2011 [8], trung bình mỗi cơ quan TT-TV viện nghiên cứu được đầu tư khoảng 250 triệu đồng/năm, số cán bộ từ 5 - 6 người/đơn vị, trong đó, trên 40% có trình độ sau đại học và trên 20% đã qua đào tạo chuyên ngành TT-TV. Về cơ sở vật chất: gần 40% đơn vị có trụ sở riêng, trên 90% đơn vị có phòng đọc độc lập, trung bình mỗi đơn vị được trang bị từ 5 - 6 máy tính. Về nguồn tin: mỗi đơn vị có 1 CSDL, gần 6.000 đầu sách, 350 tên tạp chí và 450 báo cáo kết quả nghiên cứu. Những tài liệu trên đều thuộc loại chuyên sâu theo ngành, lĩnh vực nghiên cứu và có giá trị đặc biệt trong nghiên cứu khoa học. Ngoài ra, một số cơ quan nghiên cứu đã và đang đẩy mạnh bổ sung nguồn tin nước ngoài, bao gồm cả tài liệu truyền thống và các CSDL với kinh phí hàng tỷ đồng mỗi năm như Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam,...

2.3. Cơ quan TT-TV trực thuộc Bộ, ngành

Cơ quan TT-TV trực thuộc Bộ, ngành là nơi tập trung nguồn tin đầy đủ nhất về các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến công tác quản lý của Bộ, ngành. Đối tượng dùng tin của loại cơ quan này khá lớn và đa dạng, do vậy, chúng thường có quy mô lớn, hoạt động mang tính chuyên nghiệp và nhận được sự quan tâm đầu tư của cơ quan chủ quản. Theo số liệu thống kê tại 34 cơ quan TT-TV thuộc Bộ, ngành năm 2011 của Cục Thông tin KH&CN Quốc gia [8], trung bình mỗi cơ quan TT-TV được cấp từ 5 đến 6 tỷ đồng/năm, số cán bộ biên chế bình quân là 54 người/đơn vị, trong đó, 1 cán bộ có trình độ sau đại học và khoảng 8 người đã qua đào tạo chuyên ngành TT-TV. Về cơ sở vật chất và trang thiết bị: trung bình mỗi cơ quan được trang bị 54 máy tính, tuy nhiên, mới 12/34 cơ quan có trụ sở riêng và 23/34 cơ quan có phòng đọc thư viện. Về nguồn tin: trung bình mỗi cơ quan đang sở hữu 3 CSDL, 23.000 đầu sách, 416 tạp chí và 1.145 báo cáo kết quả nghiên cứu. Cơ quan TT-TV thuộc Bộ, ngành đã và đang đẩy nhanh việc hiện đại hoá thông qua tăng cường đầu tư kinh phí, cơ sở vật chất, trang thiết bị và đặc biệt là phát triển nguồn tin số hoá.

2.4. Cơ quan TT-TV trực thuộc sở KH&CN

Loại cơ quan này đóng vai trò quan trọng trong công tác nghiên cứu khoa

học, phát triển và phổ biến KH&CN tại địa phương. Theo Thông tư Liên bộ số 05/2008/TTLT-BKHCN-BNV ngày 18/6/2008 giữa Bộ KH&CN và Bộ Nội vụ “Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về KH&CN thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện”, Trung tâm Tin học và Thông tin KH&CN là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở KH&CN thực hiện chức năng thông tin về KH&CN trong phạm vi địa phương mình. Các cơ quan TT-TV này chịu sự chỉ đạo của các sở KH&CN, bên cạnh đó, cũng chịu sự hướng dẫn, chỉ đạo và kiểm tra về nghiệp vụ của Cục Thông tin KH&CN Quốc gia. Về tổ chức: cả nước hiện có 37 Trung tâm Thông tin KH&CN trực thuộc các sở KH&CN (chiếm 58,7%) [9]. Các trung tâm này có tên gọi khác nhau, 16/37 đơn vị có tên là Trung tâm Tin học và Thông tin KH&CN, 3/37 đơn vị - Trung tâm Thông tin KH&CN và Tin học, 18/37 đơn vị còn lại - mang tên khác nhau như Trung tâm Thông tin KH&CN, Trung tâm Thông tin-Tư liệu, Trung tâm Công nghệ thông tin,...

Ngoài những Sở KH&CN có thành lập Trung tâm thông tin như trên, tại một số địa phương, đơn vị thực hiện chức năng hoạt động thông tin được tổ chức dưới dạng Phòng Thông tin (16/63 đơn vị, chiếm 25,4%) với các tên gọi khác nhau như: Phòng Thông tin KH&CN, Phòng Thông tin tư liệu,

Phòng Thông tin và Sở hữu công nghiệp,... Ngoài ra, vẫn còn 10 sở KH&CN (chiếm 15,8 %) chưa có đơn vị thông tin KH&CN độc lập. Tại đây, nhiệm vụ thông tin KH&CN nằm trong các phòng như: Phòng quản lý KH&CN, Phòng quản lý công nghệ, Phòng Quản lý khoa học,... Theo số liệu thống kê tại 63 tỉnh, thành của Cục Thông tin KH&CN Quốc gia năm 2011[8], kinh phí bình quân dành cho các cơ quan TT-TV này khoảng 560 triệu đồng/năm, số cán bộ biên chế bình quân 12 người/đơn vị, trong đó, số cán bộ đã qua đào tạo nghiệp vụ TT-TV chỉ chiếm 0,18%. Về cơ sở vật chất và trang thiết bị: 17/63 đơn vị có trụ sở riêng (chiếm 27%), trong đó, 26/63 đơn vị có phòng đọc thư viện (chiếm 41%), trung bình mỗi đơn vị được trang bị 15 máy tính. Về nguồn tin: trung bình mỗi đơn vị sở hữu khoảng 550 đầu sách, 1 CSDL, 9 tên tạp chí và 420 báo cáo kết quả nghiên cứu. Đặc biệt, các cơ quan TT-TV này là nơi lưu trữ và phổ biến các phim KH&CN- nguồn tài liệu quý giúp tăng cường phổ biến thông tin KH&CN tại địa phương- trung bình mỗi cơ quan sở hữu khoảng 140 phim KH&CN. Tại một số nơi như Vĩnh Phúc, Quảng Trị,... bằng việc phối hợp với các đài truyền hình địa phương, nguồn tin này đã và đang được phổ biến rất hiệu quả. Một trong những thành tựu nổi bật trong hoạt động của cơ quan TT-TV trực thuộc Sở KH&CN

là việc thực hiện mô hình “Cung cấp thông tin KH&CN phục vụ phát triển kinh tế xã hội vùng sâu, vùng xa” [13] do Cục Thông tin KH&CN Quốc gia khởi xướng và thực hiện từ năm 2003 thông qua chuyển giao Hệ thống thư viện điện tử với trên 200.000 tài liệu, bao gồm trên 1.000 phim KH&CN, hơn 3.000 tiêu chuẩn, gần 2.000 kết quả nghiên cứu, 636 dự án, 893 văn bản pháp luật, 5.155 công nghệ và thiết bị chào bán, 487 tạp chí, 4.024 bộ giáo trình dạy nghề,... kèm theo đào tạo cán bộ để vận hành và duy trì Hệ thống. Tính đến tháng 9 năm 2011, mô hình này đã được nhân rộng tới 334 điểm thuộc 37 tỉnh, thành phố và đào tạo được 820 cán bộ, mang lại hiệu quả to lớn trong việc chuyển giao tri thức KH&CN tới bà con nông dân. Trong năm 2011, Bộ KH&CN đã giao cho Cục Thông tin KH&CN Quốc gia triển khai nhiệm vụ “Xây dựng và phát triển Hệ thống Thông tin nghiên cứu và phát triển Việt Nam” nhằm hỗ trợ đắc lực cho công tác quản lý nhà nước về KH&CN, đặc biệt khắc phục tình trạng trùng lặp, lãng phí trong nghiên cứu và phát triển, góp phần đẩy mạnh việc ứng dụng kết quả nghiên cứu tại địa phương. Đến nay, Nhiệm vụ này đã được triển khai tới 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và mang lại kết quả ban đầu với trên 6.000 bản thuyết minh và báo cáo kết quả nghiên cứu đã được thu thập và số hóa. Dự kiến

Nhiệm vụ này sẽ tiếp tục được đẩy mạnh trong những năm tiếp theo với quy mô vượt ra ngoài khối các cơ quan thông tin KH&CN trực thuộc Sở KH&CN.

3. Nhận xét và trao đổi

Từ những số liệu thống kê và khảo sát thực trạng hoạt động của các cơ quan TT-TV ngành có thể đưa ra những nhận xét cơ bản như sau:

- Hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, kinh phí và nhân lực dành cho cơ quan TT-TV ngành còn thiếu, không đồng đều, nhiều nơi còn lạc hậu. Đặc thù của từng đơn vị và quan điểm về vai trò của cơ quan TT-TV khác nhau đã tạo nên sự khác biệt trong từng nhóm và ở tất cả các loại hình cơ quan TT-TV ngành. Có sự tương phản rõ nét giữa một bên là những cơ quan TT-TV ngành phát triển nhanh, mạnh; được thành lập ở cấp trung tâm với cơ cấu tổ chức đảm bảo tốt cho vận hành bộ máy; được đầu tư hàng tỷ đồng mỗi năm và bên kia là những đơn vị gần như không có sự chuyển biến; chỉ được thành lập ở cấp phòng, thậm chí là một bộ phận trực thuộc phòng; chỉ được cấp 100-200 triệu đồng/năm. Đội ngũ cán bộ nhìn chung còn mỏng, trình độ chuyên môn và nghiệp vụ còn hạn chế, thiếu chuyên nghiệp, nhất là tại cơ quan TT-TV địa phương.

- Năng lực thông tin còn hạn chế, tản mạn, chưa được tích hợp và khai thác hiệu quả, đặc biệt là nguồn tin nội sinh.

Có sự chênh lệch đáng kể về tiềm lực thông tin giữa các cơ quan TT-TV ngành (cả nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số hoá), nơi có tới hàng trăm nghìn đầu sách và hàng chục CSDL, nơi chỉ có vài trăm tài liệu truyền thống và thậm chí không có CSDL. Sự chênh lệch này phản ánh sự khác biệt lớn trong quan điểm của cơ quan chủ quản.

- Công tác quản lý, chỉ đạo đối với cơ quan TT-TV ngành còn nhiều hạn chế, thiếu đồng bộ, nhiều khi thiếu hướng dẫn cụ thể, các văn bản quy phạm pháp luật được triển khai chậm. Sự quan tâm của lãnh đạo các cấp đối với hoạt động thông tin chưa đủ; văn hóa thông tin trong giới nghiên cứu và đào tạo cũng như trong xã hội còn thấp so với nhu cầu phát triển của đất nước trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

- Quan hệ giữa các cơ quan TT-TV ngành chưa mang lại hiệu quả rõ rệt. Trong khoảng 10 năm trở lại đây, trên phạm vi cả nước, đã xuất hiện khá nhiều hình thức hợp tác, liên kết, đáng kể là việc thành lập các liên hiệp thư viện như: Liên hiệp Thư viện Việt Nam, Liên hiệp Thư viện các vùng Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long, Liên Hiệp Thư viện các trường đại học thuộc các vùng miền và trong cả nước,... Sự liên kết và hợp tác này đã mang lại cơ hội lớn cho sự phát triển của mỗi đơn vị thành viên. Đặc biệt, trong công tác phát triển nguồn tin điện tử, các CSDL lớn

như Proquest Central, Ebsco, Science Direct,... thường rất đắt tiền, nếu mua lẻ từng phần hoặc một vài CSDL trong một bộ CSDL sẽ rất tốn kém và không tránh khỏi trùng lặp. Vấn đề đã phần nào được giải quyết với sự ra đời vào tháng 12 năm 2004 của Liên hiệp Thư viện Việt Nam về các nguồn tin điện tử (Vietnam Library Consortium on E-resources) [10]. Theo đó, 26 đơn vị đã tự nguyện cùng góp kinh phí tham gia vào Consortium, trong đó, Cục Thông tin KH&CN Quốc gia đóng góp khoảng 50.000 USD/năm, các đơn vị còn lại đóng góp từ 1.000 đến 5.000 USD/năm. Tính đến cuối năm 2011, Consortium đã có 51 thư viện thành viên đã đăng ký tham gia và ký kết Biên bản ghi nhớ về phối hợp bổ sung nguồn tin điện tử [12]. Ngoài sự hợp tác để bổ sung các nguồn tin điện tử nước ngoài, giữa các thành viên Consortium còn có những quan hệ hợp tác khác như trao đổi, chia sẻ nguồn tin trong nước, trao đổi nghiệp vụ, hỗ trợ đào tạo,... mặc dù những hoạt động này mới chỉ diễn ra tự phát ở một số đơn vị nhất định. Đặc biệt, các cơ quan TT-TV ngành hiện còn gặp nhiều khó khăn trong việc sử dụng thống nhất Hệ thống tiêu chuẩn thư viện gồm AACR2, MARC21 và DDC đã được cụ thể hoá bằng Quyết định số 1598/BVHTT-TV ngày 07/5/2007 của Bộ Văn hoá-Thông tin [11]. Nguyên nhân chủ yếu là chưa có lộ trình cần thiết cho chuyển đổi hoặc do tiêu chuẩn mới

không phù hợp bằng tiêu chuẩn hiện dùng (Cục Thông tin KH&CN Quốc gia sử dụng Khung phân loại BBK),... Tóm lại, sự liên kết, phối hợp giữa các cơ quan TT-TV ngành còn lỏng lẻo, thiếu thống nhất, nhất là trong sử dụng tiêu chuẩn nghiệp vụ.

- Tin học hoá và phát triển nguồn tin số hoá hiện là xu hướng tất yếu tại các cơ quan TT-TV ngành. Người dùng tin đã và đang thay đổi thói quen, chuyển sang sử dụng nguồn tài liệu số là chủ yếu. Không chỉ ở Việt Nam mà trên toàn thế giới, số lượt người đến thư viện đọc tài liệu truyền thống giảm đi rõ rệt, thay vào đó, họ truy cập, khai thác thông tin số hoá thông qua máy tính và các phương tiện cầm tay. Điều này buộc cơ quan TT-TV phải thay đổi hình thức phục vụ, tăng cường nguồn tài nguyên số và liên kết với nhau để phát triển các nguồn tin điện tử và chia sẻ nguồn lực thông tin thông qua các chuẩn thống nhất.

4. Đề xuất và kiến nghị

Từ những nhận xét trên, chúng tôi kiến nghị một số điểm như sau:

- Cần ban hành những văn bản chỉ đạo, hướng dẫn và phân cấp quản lý cho từng loại hình cơ quan TT-TV ngành nhằm tăng cường quản lý nhà nước;

- Cần xác định quan điểm đúng về vị trí và vai trò của cơ quan TT-TV ngành trong chiến lược và kế hoạch phát triển của từng cơ quan tổ chức;

- Cần có sự phối hợp tốt, đặc biệt là

Nghiên cứu - Trao đổi

giữa các cơ quan, Bộ, ngành và địa phương trong xây dựng và phát triển cơ quan TT-TV ngành, có chính sách ưu tiên cho hoạt động này;

- Cần có sự đồng thuận trong việc phân bổ và đóng góp kinh phí tham gia Consortium về các nguồn tin điện tử dưới sự chủ trì của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ KH&CN;

- Cần ban hành những văn bản hướng dẫn kèm theo những hình thức

phù hợp để giúp các đơn vị chủ động số hoá nguồn tài liệu truyền thống hiện có và phát triển các nguồn tin số hoá khác;

- Cần sớm thống nhất các tiêu chuẩn nghiệp vụ cho tài liệu truyền thống và nguồn tin điện tử;

- Cơ quan chủ quản cần đảm bảo các điều kiện về trụ sở, trang thiết bị, kinh phí và nhân lực dựa trên yêu cầu chung cho cơ quan TT-TV ngành.

Tài liệu tham khảo

1. *Pháp lệnh Thư viện số 31/2000/PL-UBTVQH10 ngày 28 tháng 12 năm 2000*. Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. *Nghị định số 72/2002/NĐ-CP ngày 6 tháng 8 năm 2002 Quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Thư viện*. Chính phủ nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3. *Nghị định số 159/2004/NĐ-CP CP ngày 31 tháng 8 năm 2004 về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ*. Chính phủ nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

4. *Danh bạ các cơ quan nghiên cứu và phát triển công lập (2009)*. Bộ Khoa học và Công nghệ.

5. *Số liệu thống kê Giáo dục, Y tế, Văn hóa và đời sống*. Tổng Cục Thống kê. Nguồn: <http://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=435&idmid=3>

6. *Quy hoạch phát triển ngành Thư viện Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 (Căn cứ Quyết định số 10/2007/QĐ-BVHTT ngày 04 tháng 05 năm 2007)*. Nguồn: <http://www.thuvien.net>

7. Cao Minh Kiểm. *Thành lập Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia- cột mốc mới*

của sự phát triển. Thông tin tư liệu, Số 1/2010

8. Phan Huy Quế. *Đề tài nghiên cứu cấp Bộ “Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn phát triển công tác thông tin-thư viện và thống kê KH&CN Việt Nam đến năm 2020”*

9. Nguyễn Tiến Đức. *Báo cáo Tổng quan về tổ chức và hoạt động của cơ quan thông tin KH&CN địa phương. Hội thảo “Tổ chức và hoạt động của cơ quan thông tin KH&CN địa phương” 2010*.

10. Đào Mạnh Thắng. *Báo cáo hoạt động Liên hiệp Thư viện về nguồn tin điện tử*. Hạ Long, 15 - 16/10/2010.

11. Nguyễn Thị Thanh Vân. *Áp dụng phân loại DDC tại Thư viện Quốc gia Việt Nam*. Nguồn: <http://nlv.gov.vn/nlv/index.php/Table/DDC/>

12. *Bế mạc Kỳ họp lần thứ 9 của Liên hiệp Thư viện về Nguồn tin điện tử Việt Nam*. Nguồn: <http://www.vista.vn/>

13. Phạm Văn Hùng. *Kết quả triển khai mô hình thư viện điện tử phục vụ phát triển kinh tế-xã hội nông thôn và miền núi*. Kỷ yếu Hội thảo khoa học ngành Thông tin, Thống kê KH&CN phục vụ phát triển kinh tế-xã hội giai đoạn 2011-2015, Hà Nội, 24-25/11/2011.